

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG LÁNG TRÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2775 /UBND
V/v công khai tình hình thực hiện dự
toán ngân sách phường Láng Tròn
quý 3 năm 2026

Láng Tròn, ngày 19 tháng 10 năm 2026

Kính gửi:

- Sở Tài chính tỉnh Cà Mau;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể phường.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;

Thực hiện Quyết định số 180/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Quy định một số nội dung về lập, gửi dự toán ngân sách; báo cáo tình hình chấp hành ngân sách; báo cáo công khai ngân sách và thời gian gửi báo cáo quyết toán ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Ủy ban nhân dân phường Láng Tròn công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý 3 năm 2026, cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước

Tổng thu NSNN trên địa bàn quý 3 năm 2026 là 464,085 triệu đồng, lũy kế 1.737,591 triệu đồng/1.650 triệu đồng, đạt 105,31% dự toán.

Thu NSDP được hưởng theo phân cấp quý 3 năm 2026 379,231 triệu đồng, lũy kế 1.306,680 triệu đồng/1.270 triệu đồng, đạt 102,89% dự toán.

Các nguồn thu đều đạt theo tiến độ. Tuy nhiên, nguồn thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thu phí, lệ phí đạt thấp.

2. Chi ngân sách địa phương

Chi ngân sách địa phương quý 3 năm 2026 là 16.030,148 triệu đồng, lũy kế 174.412,018 triệu đồng/148.704 triệu đồng, đạt 117,29% so với dự toán. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 7.253,135 triệu đồng, lũy kế 25.058,672 triệu đồng/13.624 triệu đồng, đạt 183,93% dự toán.

- Chi thường xuyên: 7.488,695 triệu đồng, lũy kế 147.920,028 triệu đồng/132.419 triệu đồng, đạt 111,71% dự toán. Trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 944,624 triệu đồng, lũy kế 60.682,411 triệu đồng/73.249 triệu đồng, đạt 82,84% so với dự toán.

+ Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 0 triệu đồng, lũy kế 99,360 triệu đồng/316 triệu đồng, đạt 31,44% so với dự toán.

- Chi dự phòng ngân sách: 285,762 triệu đồng/2.661 triệu đồng, đạt 10,74% dự toán.

(Chi tiết theo Phụ lục số 54, 55, 56.1, 56.2 đính kèm)

Trên đây là tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường Láng Tròn quý 3 năm 2026./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- TT. HĐND phường;
- Văn phòng Đảng ủy phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- CVP, PCVP HĐND và UBND phường;
- TT Phục vụ hành chính công (niêm yết);
- Trang thông tin điện tử phường (đăng tin);
- Lưu: VT, (PKTHTĐT-Y).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Nam Duy

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2026
(Kèm theo Công văn số: /UBND ngày /10/2026 của UBND phường Láng Tròn)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		So sánh (%)	
			Quý III	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.650.000	464.085	1.737.591	105,31	155,95
I	Thu nội địa	1.650.000	464.085	1.737.591	105,31	155,95
II	Thu viện trợ				-	-
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	148.704.000	74.535.394	177.971.752	119,68	167,91
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.270.000	379.231	1.306.680	102,89	292,75
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.270.000	379.231	1.306.680	102,89	292,75
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)				-	-
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %		-		-	-
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	147.434.000	54.602.092	157.111.001	106,56	150,39
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	134.427.000	33.000.000	77.000.000	57,28	533,25
2	Thu bổ sung có mục tiêu	13.007.000	21.602.092	80.111.001	615,91	88,98
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư		128.211	128.211	-	49,86
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		19.425.860	19.425.860	-	2.544,89
C	TỔNG CHI NSDP	148.704.000	16.030.148	174.412.018	117,29	174,32
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	148.704.000	16.030.148	174.412.018	117,29	174,32
1	Chi đầu tư phát triển	13.624.000	7.253.135	25.058.672	183,93	-
2	Chi trả nợ lãi					
3	Chi thường xuyên	132.419.000	7.488.695	147.920.028	111,71	147,84
4	Dự phòng NSNN	2.661.000	140.762	285.762	10,74	-
5	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế		1.147.556	1.147.556		
6	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				-	-

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2026
(Kèm theo Công văn số: /UBND ngày /10/2026 của UBND phường Láng Tròn)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		So sánh (%)	
			Quý III	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2		4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.650.000	464.085	1.737.591	105,31	155,95
I	Thu nội địa	1.650.000	464.085	1.737.591	105,31	155,95
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					-
4	Thuế thu nhập cá nhân					-
5	Thuế bảo vệ môi trường			-		-
6	Các loại phí, lệ phí	1.160.000	333.452	1.150.274	99,16	199,05
	Trđó: Lệ phí trước bạ	740.000	250.242	901.569	121,83	967,77
7	Các khoản thu về nhà, đất	40.000	3.994	14.703	36,76	551,62
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			-		-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40.000	3.994	14.703	36,76	551,62
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
-	Thu tiền sử dụng đất					
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN			-		-
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển			-		-
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công			-		-
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			-		-
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước			-		-
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác			-		-
14	Thu khác ngân sách	450.000	126.639	572.614	127,25	107,30
II	Thu viện trợ					-
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.270.000	379.231	1.306.680	102,89	292,75
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP					-
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					-
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.270.000	379.231	1.306.680	102,89	292,75
-	Lệ phí trước bạ	740.000	250.242	901.569	121,83	967,77
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-				-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40.000	3.994	14.703	36,76	551,62
-	Phí, lệ phí	240.000	53.571	141.149	58,81	101,06
-	Thu khác ngân sách	250.000	71.424	249.259	99,70	118,21

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số: /UBND ngày /10/2026 của UBND phường Láng Tròn)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		So sánh (%)	
			Quý III	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	148.704.000	16.030.148	174.412.018	117,29	174,32
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	148.704.000	16.030.148	174.412.018	117,29	174,32
I	Chi đầu tư phát triển	13.624.000	7.253.135	25.058.672	183,93	-
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	13.624.000	7.253.135	25.058.672	183,93	-
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			-	-	-
II	Chi trả nợ lãi			-	-	-
III	Chi thường xuyên	132.419.000	7.488.695	147.920.028	111,71	147,84
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	73.249.000	944.624	60.682.411	82,84	121,96
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	316.000	-	99.360	31,44	-
IV	Dự phòng ngân sách nhà nước	2.661.000	140.762	285.762	10,74	-
V	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế		1.147.556	1.147.556	-	
VI	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-	-		
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách				-	-
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		-	-	-	-

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH
BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Công văn số: /UBND ngày /10/2026 của UBND phường Láng Tròn)

Đvt: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho địa phương		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số ngân sách tỉnh bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5
	Tổng số	2.661.000	285.762	2.375.238	1.813.000	574.000	1.239.000
1	Chi đầu tư phát triển						-
2	Chi thường xuyên	2.661.000	285.762	2.375.238	1.813.000	574.000	1.239.000